

ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁO LÍ, GIÁO LUẬT VÀ TỔ CHỨC GIÁO HỘI CƠ SỞ CỦA CÔNG GIÁO ĐẾN HÀNH VI SINH SẢN CỦA GIÁO DÂN

**(Qua nghiên cứu cộng đồng Công giáo xã Xuân Ngọc, huyện
Xuân Trường, tỉnh Nam Định)**

PHẠM QUYẾT^(*)

Thực tế nước ta thời gian qua cho thấy, ở những nơi có đông đồng bào Công giáo sinh sống, mức sinh sản thường cao hơn so với những vùng dân cư khác. Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình khi xâm nhập vào các cộng đồng dân cư này còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Điều đó cho thấy, tín ngưỡng, tôn giáo có vai trò nhất định với quá trình sinh sản của cộng đồng. Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của tôn giáo, nhất là của hai yếu tố giáo lí, giáo luật và tổ chức tôn giáo với hành vi sinh sản của giáo dân ở một cộng đồng Công giáo cụ thể càng giúp hiểu rõ hơn về chức năng kiểm soát của tôn giáo ở nước ta trong điều kiện xã hội hiện nay.

Việc phân tích cụ thể vai trò của Công giáo đối với hành vi sinh sản của giáo dân ở bài viết này được dựa trên kết quả thu được từ cuộc khảo sát xã hội học thuộc đề tài "Nhận thức thái độ của các chức sắc Công giáo với công tác dân số kế hoạch hoá gia đình" của Uỷ ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình. Cuộc khảo sát được thực hiện với 450 hộ gia đình giáo dân, cùng với nhiều cuộc phỏng vấn

sâu cán bộ địa phương, các chức sắc Công giáo và giáo dân vào các năm 1995, 1996, 1997 ở xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Đây là một trong những xã có tỉ lệ đồng bào theo đạo Công giáo cao nhất trong cả nước (hơn 92%, có 3/8 thôn toàn tòng). Về mặt lãnh thổ, xã gần như trùng khớp với quản hạt Bùi Chu. Nơi đây có Toà Giám mục Bùi Chu, mà từ lâu được coi như trung tâm Công giáo của vùng đồng bằng Bắc Bộ và của cả nước. Theo số liệu thống kê của địa phương, thời gian qua, mức sinh của Xuân Ngọc cũng đã giảm. Tuy nhiên, so với các xã khác ở trong vùng, nơi có tỉ lệ đồng bào Công giáo thấp hơn, thì mức sinh của Xuân Ngọc vẫn luôn cao hơn và tốc độ giảm sinh cũng chậm hơn.

I. ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁO LÍ, GIÁO LUẬT CÔNG GIÁO TỚI HÀNH VI SINH SẢN CỦA GIÁO DÂN

Công giáo có một hệ thống giáo lí, giáo luật đồ sộ, được xây dựng và chỉnh biên qua hàng chục thế kỉ, chi phối toàn bộ đời

^{*}. TS., Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

sống của các tín đồ⁽¹⁾. Khi nói về giáo lí, giáo luật Công giáo, người ta thường nói đến “Kinh bốn” như một sách dạy vắn tắt những điều mà các tín đồ Kitô phải tin, phải làm. Sách giới thiệu về giáo lí, các quy tắc, các nghi lễ bắt buộc với mỗi tín đồ. Sách bao gồm 4 phần: Phần một, dạy về những điều phải tin. Phần hai, dạy về những phép trọng trong đạo Thánh Đức Chúa Trời gọi là “bảy phép bí tích”. Phần ba, dạy về mười điều răn của Đức Chúa Trời và sáu điều răn Hội Thánh. Phần bốn, dạy về ơn Đức Chúa Trời, sự cầu nguyện dấu Thánh Giá cùng những việc bốn đạo phải làm hằng ngày.

Theo cách nhìn nhận này thì giáo lí Công giáo bao gồm hệ thống các “lí thuyết” về Thiên Chúa, về thế giới, về con người và các luật lệ, quy tắc, quy định, những trách nhiệm và quyền lợi của con người sống trong Hội Thánh, cũng như một loạt những nghi lễ, cách ứng xử cần thiết mà mỗi tín đồ phải thực hiện trong đời sống đạo.

Trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hoá gia đình, giáo lí, giáo luật Công giáo được thể hiện rõ nhất trong phép bí tích thứ bảy: Bí tích Hôn phối. Trong đó đã trình bày các mục tiêu, nguyên tắc quy định hành vi của các tín đồ Công giáo trong các vấn đề hôn nhân, gia đình và tái sinh sản. Theo giáo lí, “đặc tính chủ yếu của bí tích này là tính đơn nhất (một vợ một chồng); bất khả phân li và sẵn sàng sinh sản con cái”⁽²⁾.

*** Giáo lí, giáo luật với trách nhiệm sinh con, số con và quyền sinh sản**

Giáo lí hôn nhân nhằm giới thiệu những giá trị mà Kinh Thánh đã ghi về hôn nhân và đời sống vợ chồng như “nam

nữ lấy nhau là để có con. Hôn nhân một vợ một chồng”, “có con nối dòng, để thờ kính cha mẹ. Đông con để bảo vệ an ninh bộ tộc, để có nhân công, bảo tồn nòi giống”⁽³⁾. Giáo lí hôn nhân cũng chỉ ra quan điểm của Chúa Kitô và các thánh về vấn đề hôn nhân và gia đình. Các bài giảng giáo lí hôn nhân cũng nhằm giới thiệu các quy tắc, quy định, giáo huấn, luật của Giáo hội về việc nam nữ kết hôn với nhau để hình thành gia đình, để sinh con và về việc kế hoạch hoá gia đình...

Trước Công đồng Vatican II, khi giới thiệu giáo lí hôn nhân, giới thần học và Giáo hội cũng thường nhắc đến hai mục đích của hôn nhân: “Hôn nhân có mục đích tăng dân số loài người. Đó như là nghĩa vụ (ad officium), vì Chúa ra lệnh làm đầy địa cầu” và “Hôn nhân vừa là nghĩa vụ, vừa là phương thuốc trị dục”. Có thể nói, giáo lí Công giáo trong suốt thời kì này vẫn gắn việc kết hôn, quan hệ tình dục với việc sinh nhiều con.

Được coi là bước ngoặt trong xu hướng Canh tân và Nhập thế của Giáo hội Roma, Công đồng Vatican II khi nói về hôn nhân và việc sinh sản vẫn “tiếp tục khẳng định và đề cao phẩm giá hôn nhân và gia đình”⁽⁴⁾. Tuy không nói thẳng quan điểm khuyến khích sinh đông con, song

1. Trần Tiến Đức. *Đông bào Thiên Chúa giáo với việc thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình*. Trong: *Đông bào Công giáo với chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình*. Nxb KHXH. Hà Nội 1998, tr. 142.

2. Đỗ Quang Hưng. *Thái độ của Vatican với vấn đề dân số, kế hoạch hoá gia đình*. Trong: *Đông bào Công giáo với chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình*. Nxb KHXH. Hà Nội 1998, tr. 150.

3. Phaolô Nguyễn Bình Tĩnh và Linh mục Xuân Bích. *Hôn nhân Kitô giáo*. Nxb Thuận Hoá. Huế 1995, tr. 22.

4. Đỗ Quang Hưng. Sdd, tr. 150.

vấn kiện của Công đồng vẫn khẳng định: “Chúa Sáng Tạo đã chúc phúc cho đôi bạn đầu tiên của loài người: Các người hãy sinh sôi nảy nở và hãy nên đầy dẫy trên trái đất”; “Con cái là ơn huệ quý báu nhất của hôn nhân... Bốn phận truyền sinh và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng”⁽⁵⁾. Như vậy, huấn thị của Công đồng đã gắn hôn nhân với nghĩa vụ truyền sinh, coi việc sinh con là điều cao quý của vợ chồng, là trách nhiệm trước Chúa, là điều tế nhị với sự cố vũ sinh sản không điều kiện⁽⁶⁾.

Trên thực tế, khi giảng về giáo lý hôn nhân, nhiều linh mục vẫn nhấn mạnh: Mục đích của quan hệ nam nữ trong hôn nhân là để sinh con, chứ không phải là để tìm lạc thú hay cái gì khác và viện dẫn: “Onan biết là (sinh con ra) không kể là dòng giống mình, nên mỗi khi phối hiệp với vợ anh thì hấn để mất tinh dưới đất, có ý không cho anh được có dòng giống. Hấn đã làm điều thất đức trước mắt Yavê; nên Người trừng phạt nó phải chết”⁽⁷⁾. Với cách nhìn nhận này, giáo lý Công giáo dường như vẫn đồng nhất hôn nhân với trách nhiệm “sinh những đứa con cho Chúa”, “giao hợp mà không có con là do ý muốn ích kỉ, đáng bị trừng phạt”.

Trong Công đồng Vatican II cũng vẫn phổ biến quan điểm được trình bày trong *Thông điệp Casti Connubii* của Giáo hoàng Piô XI: “Việc sinh con và giáo dục con cái là mục đích đệ nhất của việc kết hôn nam nữ... Vì thế sinh đẻ là việc thánh thiêng, diệu kì, không ai được xâm phạm tới”⁽⁸⁾. Năm 1981, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nhấn mạnh: “Vâng theo chân lí là chính Chúa Kitô... đòi quyền cho chính đôi vợ chồng được tự do bàn tính với nhau mà quyết định việc điều hoà sinh sản. Không

quyền bính xã hội nào, kể cả quốc tế, có quyền ép buộc vợ chồng phải theo những biện pháp vô luân để sinh đẻ có kế hoạch”⁽⁹⁾. Ở nước ta, khi giải thích ngắn gọn về quan điểm của Giáo hội với vấn đề dân số, quyền sinh đẻ và việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình, một số linh mục cũng đã công khai tuyên bố quan điểm: “Sinh bao nhiêu con, sinh khi nào, hoàn toàn do vợ chồng quyết định... Không ai có quyền can thiệp, áp đặt” và “xã hội và Giáo hội không được bắt ép phải kế hoạch bằng biện pháp này hay biện pháp kia. Nên đẻ mấy con? Khi nào đẻ? Hoãn đẻ hay thôi”⁽¹⁰⁾. Với cách nhìn nhận này, giáo lý Công giáo muốn nhấn mạnh việc sinh bao nhiêu con là quyền của các cá nhân, xã hội không được phép can thiệp đến và công khai phản đối một số biện pháp kế hoạch hoá gia đình mà xã hội phổ biến.

Trong chính sách dân số của nước ta, quyền sinh sản của người dân vẫn được coi trọng và được nhấn mạnh. Song, các quan điểm trên đây của giáo lý Công giáo và cách lí giải cụ thể quan điểm đó của một số chức sắc đã gây khó khăn rất nhiều cho các cấp chính quyền địa phương trong cuộc vận động thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. K.Davis cho rằng: “Các ấn phẩm thần thánh hoặc các lí thuyết thầy tu như là bằng chứng của những giá trị thực tế của xã hội”⁽¹¹⁾ và các

5. Sđd, tr. 150.

6. Sđd, tr. 151.

7. Phaolô Nguyễn Bình Tĩnh và Linh mục Xuân Bích. Sđd, tr. 144.

8. Sđd, tr. 144.

9. Sđd, tr. 154.

10. Sđd, tr. 234.

11. Davis, K. *Các mô hình thiết kế khuyến khích mức sinh cao ở các khu vực kém phát triển*. Trong: *Tuyển tập các công trình chọn lọc trong dân số học và xã hội*. Nxb KHXH. Hà Nội 1994, tr. 214.

giá trị này đã trở thành người chỉ dẫn tích cực cho hành vi của các tín đồ trong việc sinh sản.

*** Giáo lí, giáo luật Công giáo với việc sử dụng các biện pháp tránh thai**

Năm 1968, trong *Thông điệp “Đời sống con người”*, Giáo hoàng Phaolô VI đã nêu ra những nguyên tắc của việc điều hoà sinh sản: “Phải loại bỏ tất cả những hành động hoặc dự liệu trước khi giao hợp hay trong lúc giao hợp hoặc khi triển khai các hậu quả tự nhiên của nó”⁽¹²⁾.

Trong các sách về giáo lí hôn nhân được phổ biến tại các vùng Công giáo nước ta, ý tưởng trên đã được cụ thể hoá: “Giáo lí, giáo luật cấm bất cứ hành động nào nhằm ngăn chặn sự sinh sản, dù như mục đích hay chỉ như phương tiện. Nghĩa là không được dùng thuốc viên cản thụ thai; đặt vòng trong tử cung; dùng mũ bịt cửa tử cung; dùng “áo mưa” bao dương vật; không được thắt ống dẫn tinh hay dẫn trứng; không được xuất tinh ra ngoài âm đạo... Cấm phá thai... Ai phá thai vừa phạm tội vừa bị vạ”⁽¹³⁾.

Để thực hiện điều hoà sinh sản, Công đồng Vatican II không chấp nhận các biện pháp được gọi là “nhân tạo” như trên, mà chỉ chấp nhận những biện pháp được coi là “tự nhiên”, nghĩa là thông qua một số phương pháp có thể giúp các cặp vợ chồng biết được những ngày trứng rụng để chủ động điều tiết việc quan hệ vợ chồng. Các phương pháp đó là: phương pháp Ogino-Knaus, dựa vào việc tính chu kì kinh nguyệt của phụ nữ (biện pháp tính lịch). Phương pháp Billings, căn cứ vào triệu chứng chất nhớt tiết ra ở âm đạo phụ nữ. Phương pháp đo thân nhiệt, tiến hành đo và theo dõi thân nhiệt của phụ nữ. Phương pháp Test-Tape (thuốc

thử ngoài), dựa vào tờ giấy có thuốc thử đặt vào âm đạo. Nói chung, các phương pháp này đòi hỏi sự tiết dục ở các cặp vợ chồng và đều khó thực hiện, hiệu quả không cao, nhất là với người dân ở nông thôn Việt Nam, trình độ học vấn thấp.

Như vậy, hầu hết những biện pháp tránh thai hiện đại có hiệu quả cao như đặt dụng cụ tử cung, triệt sản, bao cao su, viên thuốc uống, v.v... đều nằm trong sự cấm đoán của giáo luật, còn hầu hết những biện pháp có tính truyền thống, khó sử dụng, hiệu quả thấp lại ở trong sự cho phép của Giáo hội.

Với sự giả định, vì một lí do nào đó mà người Công giáo phải sử dụng các biện pháp tránh thai không được giáo lí, giáo luật cho phép, thì có tới 56,9% số người được hỏi cho là họ sẽ cảm thấy áy náy, lương tâm không yên; 40,6% cho là họ sẽ không cảm thấy gì và 2,6% không cho ý kiến⁽¹⁴⁾.

Như vậy, số đông giáo dân ở Xuân Ngọc luôn luôn bị sự chi phối của giáo lí, giáo luật khi lựa chọn sử dụng các biện pháp tránh thai. Số lượng giáo dân dường như không chịu sự chi phối này (lương tâm không bị áy náy) ở mức độ ít hơn nhiều. Qua đó có thể thấy giáo lí, giáo luật đã ảnh hưởng khá mạnh đến việc lựa chọn sử dụng các biện pháp tránh thai của phụ nữ Công giáo ở đây. Một chút sắc cho biết: “Tuân theo luật tự nhiên là yêu cầu đối với người Công giáo. Đó là luật của Roma. Luật này ăn vào lương

12. Phaolô Nguyễn Bình Tĩnh và Linh mục Xuân Bích. *Sđđ*, tr. 144.

13. *Sđđ*, tr. 157.

14. Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình. *Số liệu điều tra mẫu của đề tài “Nhận thức và thái độ của các vị chức sắc Công giáo đối với công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình”*. Hà Nội 1997.

tâm của người Công giáo, ai vi phạm sẽ áy náy không yên” (Trùm xứ, 60 tuổi).

Theo mức độ đi lễ nhà thờ cho thấy, những người càng chăm chỉ đi lễ nhà thờ thì càng có cảm giác áy náy, lương tâm không yên khi sử dụng các biện pháp tránh thai không được giáo lí, giáo luật cho phép. Cụ thể, với những người ngày nào cũng đi lễ nhà thờ thì có tới 73,7% có cảm giác áy náy, những người chỉ đến lễ nhà thờ vào ngày chủ nhật con số đó là 55,4%, những người chỉ đến nhà thờ khi có thời gian rỗi con số đó là 40,0%, còn những người rất ít đến hoặc hầu như không đến lễ nhà thờ thì chỉ có 28,6% có cảm giác áy náy khi sử dụng một trong những biện pháp tránh thai không được giáo lí cho phép⁽¹⁵⁾.

Tóm lại, giáo lí, giáo luật Công giáo luôn gắn hôn nhân với trách nhiệm “sinh để những đứa con cho Chúa” và *không chấp nhận cuộc vận động hạn chế sinh để từ xã hội*, ngăn cản giáo dân sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại có hiệu quả cao. Mức độ ảnh hưởng của giáo lí, giáo luật đến việc sử dụng các biện pháp tránh thai của giáo dân là khá mạnh và phụ thuộc vào mức độ chăm chỉ đi lễ nhà thờ của các tín đồ.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA TỔ CHỨC GIÁO HỘI CƠ SỞ CỦA CÔNG GIÁO TỚI HÀNH VI SINH SẢN CỦA GIÁO DÂN

Với Công giáo, Giáo hội là tổ chức xã hội - tôn giáo của các tín đồ liên kết với nhau bằng đức tin và cùng chịu các phép bí tích như nhau và vâng phục một thủ lĩnh là Giáo hoàng⁽¹⁶⁾. Theo Kinh Thánh, Giáo hội là “một cộng đồng hữu hình và có tổ chức mà Chúa Kitô đã sáng lập để lưu tồn sự hiện diện của mình trên trần

gian và tiếp tục thực hiện hai sứ mạng của mình là giảng dạy chân lí và ban sự sống⁽¹⁷⁾.

Đứng đầu tổ chức Công giáo là Giáo hoàng, người kế vị Thánh Phêrô. Điều khiển các công việc của Toà Thánh ở các địa phận là giám mục. Cơ sở thấp nhất của Giáo hội là các xứ đạo, họ đạo do các linh mục chăn dắt. Linh mục có nhiệm vụ chăm sóc giáo dân thuộc giáo phận của mình, không tham gia vào việc đời, thực hiện các phép bí tích và giáo huấn cho các tín đồ. Giúp việc cho các linh mục là hội đồng giáo xứ địa phương, mà đứng đầu là các trùm xứ hoặc trùm họ. Trong hoàn cảnh thiếu linh mục như ở Giáo phận Bùi Chu thì ở những xứ đạo không có linh mục, hội đồng giáo xứ và ông trùm đạo có một vai trò đặc biệt quan trọng.

Từ thực tế trên đây, chúng ta có thể coi các linh mục và các ông trùm là các chức sắc Công giáo, đại diện cho tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo thực hiện chức năng quản lí giáo dân về đời sống đạo. Vì vậy, vai trò của tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo trong việc duy trì các chuẩn mực cộng đồng, trong việc kiểm soát hành vi của giáo dân được thể hiện qua vai trò của các vị chức sắc này.

Thực tế, các chức sắc Công giáo, đặc biệt là các linh mục - những người được coi là thay mặt Chúa chăn dắt giáo dân, có vị thế, vai trò rất lớn trong đời sống của cộng đồng giáo dân. Nhất là ở những

15. Sđd.

16. Nguyễn Hồng Dương. *Hoạt động tôn giáo và chính trị của Thiên Chúa giáo miền Nam thời Mỹ - Ngụy 1954-1975*. Trường Cao đẳng An ninh Nhân dân 2, 1988, tr. 230.

17. Đỗ Quang Hưng. *Một số vấn đề lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*. Tủ sách Đại học Tổng hợp. Hà Nội 1991, tr. 17.

nơi sùng kính đạo cao như ở Bùi Chu thì mỗi lời nói, mỗi hành động của linh mục thường được coi như những điều luật, khuôn mẫu cho hành vi của giáo dân. “Lời nói của các linh mục với giáo dân là rất có giá trị. Có thể bố mẹ nói con cái không nghe, nhưng các linh mục nói thì giáo dân rất tin và rất nghe lời. Không ai dám có ý kiến gì khác. Những giáo dân thuần thì đều làm theo lời khuyên của linh mục bề trên, vì các linh mục đã nói thì chỉ nói các điều đúng” (Trùm xứ, 56 tuổi). Vì vậy, quan điểm của chức sắc Công giáo về vấn đề dân số, đặc biệt về vấn đề sử dụng các biện pháp tránh thai không thể không ảnh hưởng đến hành vi của giáo dân.

*** Quan điểm của chức sắc Công giáo với vấn đề dân số, kế hoạch hoá gia đình**

Số đông chức sắc Công giáo ở Xuân Ngọc đã bày tỏ thái độ ủng hộ các chủ trương chính sách dân số của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn một vài chức sắc thể hiện sự không đồng tình, không quan tâm. Họ né tránh và nguy hiểm rằng: “Vấn đề gia tăng dân số đâu phải là vấn đề đáng chú ý. Nếu biết dừng tất cả các cuộc chiến tranh thì số của cải dư ra sẽ đủ nuôi sống số người tăng thêm đó”. (Linh mục, 55 tuổi). Một vài chức sắc tỏ thái độ ủng hộ mức sinh cao, gia đình đông con khi cho rằng: “Có nhiều con cháu cũng có lợi, khi về già thì gia đình vui vẻ, Giáo hội có thêm tín đồ”, hay “Đông con như gia đình tôi (10 con) giờ mới vui vẻ, kinh tế mới khấm khá, mới đóng góp được nhiều cho Giáo hội” (Trùm xứ, 60 tuổi). Khi giải thích về câu chúc phúc của Giáo hội: “Hãy sinh nở cho đầy mặt đất”, có ý kiến cho rằng “Kinh Thánh là của Chúa, khi nào cũng đúng, hiện nay

cũng vẫn phải tuân theo, vì mặt đất đã đầy đâu”, hay “Mặt đất đầy là mặt đất của Chúa, là nước Chúa, mà nước Chúa thì đã đầy đâu, còn với lắm...” (Linh mục, 70 tuổi). Tuy không phải là ý kiến của số đông, nhưng có thể thấy rằng, trong số các chức sắc Công giáo vẫn còn có tư tưởng muốn tăng nhanh số lượng giáo dân thông qua việc gia tăng dân số trong cộng đồng Công giáo và coi đó như một cách truyền giáo. Một cán bộ địa phương cho rằng: “Mục đích của Giáo hội là tăng dân số để tăng đối trọng. Công giáo muốn tăng số lượng tín đồ để qua đó gây sức ép bằng số đông” (Nam, 48 tuổi). Trên thực tế, có một vài chức sắc Công giáo ở cơ sở đã không ủng hộ cuộc vận động thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình của chính quyền địa phương.

Với các biện pháp kế hoạch hoá gia đình, phản ứng của một số chức sắc Công giáo càng gay gắt hơn. Có vị còn bày tỏ sự bất hợp tác. “Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chính sách dân số của Nhà nước, nhưng không nhất trí với các biện pháp mà Nhà nước đưa ra” (Linh mục, 55 tuổi). Theo một số vị chức sắc Công giáo này, người giáo dân sống trong nước Chúa cần phải tuân theo luật của Giáo hội và “Công giáo hoàn toàn không chấp nhận việc sử dụng các biện pháp không tự nhiên” (Linh mục, 60 tuổi).

Khi nghiên cứu quan điểm của chức sắc Công giáo ở Xuân Ngọc về các biện pháp tránh thai đang được phổ biến, cũng như hành động thực tế của họ trong cộng đồng, chúng tôi thấy có những quan điểm khác nhau. Ở đây, tạm chia thành hai nhóm quan điểm:

- Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng, ngoài các biện pháp “tự nhiên”, giáo dân

có thể được sử dụng một số biện pháp “nhân tạo” như vòng tránh thai, bao cao su. Tuy nhiên, nếu giáo dân buộc phải sử dụng các biện pháp này, thì vẫn phải sử dụng các biện pháp tự nhiên. “Đặt vòng nhưng vẫn phải kết hợp với cách tính theo lịch” (Linh mục, 60 tuổi).

Với những giáo dân đang sử dụng các biện pháp “nhân tạo”, một số vị chức sắc Công giáo tuy không tỏ thái độ phản đối nhưng cũng không ủng hộ, nghĩa là chấp nhận việc làm của giáo dân. Họ luôn thuyết phục giáo dân cần phải kết hợp với các biện pháp tự nhiên. “Nếu ai đặt vòng rồi nhưng vẫn sử dụng phương pháp tính lịch thì sẽ không phạm tội” (Trùm họ, 45 tuổi).

Nhóm quan điểm thứ hai tỏ thái độ phản đối mạnh mẽ việc phổ biến và thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại trong cộng đồng giáo dân. Lí do là các biện pháp đó không phù hợp với luật của Giáo hội. Trong đời sống thực tế của cộng đồng, các chức sắc Công giáo thuộc nhóm này thường tỏ thái độ nghiêm khắc, lạnh lùng với những giáo dân đã sử dụng biện pháp đặt vòng. “Có trường hợp giáo dân đặt vòng rồi đi xưng tội, có linh mục từ chối không rửa tội, hoặc đồng ý rửa tội nhưng họ phải hứa sẽ bỏ vòng” (Nam, 48 tuổi). Một chức sắc ở Bùi Chu đã thẳng thắn: “Bà con giáo dân làm trái giáo luật thì không được rước lễ, nếu muốn rước lễ thì phải xưng tội”. Được biết, ở một số họ đạo, nhiều giáo dân đã đặt vòng, nhưng sau khi đi xưng tội về đã tức khắc đi tháo vòng chui. Có thể nói, tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo ở đây đã có nhiều cách thức khác nhau để tác động vào hành vi tránh thai của giáo dân.

Tóm lại, các chức sắc Công giáo ở Xuân Ngọc có những quan niệm khác nhau về

vấn đề dân số, về các biện pháp tránh thai hiện đại. Phản ứng của họ với các trường hợp sử dụng các biện pháp tránh thai “nhân tạo” cũng ở những mức độ khác nhau. Song nói chung, họ không muốn và phản ứng khá mạnh việc giáo dân sử dụng các biện pháp tránh thai đó. Điều này đã ảnh hưởng không ít đến hành vi tránh thai của giáo dân.

*** Tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo với các yếu tố tâm lý, xã hội của hành vi sinh sản**

Chức sắc Công giáo ở xã Xuân Ngọc thường có những phản ứng tuy không công khai, nhưng gây sức ép khá căng thẳng với chính quyền, nhất là vào thời điểm địa phương tổ chức các đợt tuyên truyền vận động thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Một nhân viên của Uỷ ban Dân số huyện cho biết: “Trong hội nghị, các linh mục, các ông trùm đều cam kết sẽ không nói về lương tâm, về phạm tội và tỏ ra ủng hộ, song khi về họ ngấm ngấm gây áp lực không cho xưng tội, không cho rước lễ, dùng hình thức cô lập giáo dân đi đặt vòng, triệt sản. Thậm chí, có trường hợp (vào năm 1994) ở Giao Thiện, Công giáo đã tổ chức khủng bố người đi đặt vòng, triệt sản như đe dọa, đánh đập” (Nam, 44 tuổi). Vào đầu những năm 1990, ở Bùi Chu, tình trạng ngăn cản cán bộ dân số thực thi công việc đôi lúc vẫn xảy ra. “Có khi các đội tuyên truyền xuống các thôn đã bị phản đối một cách thẳng thừng, bị ngăn cản, không cho giáo dân tiếp cận với cán bộ” (Nam, 38 tuổi).

Có thể nói, người phụ nữ Công giáo ở đây khi lựa chọn sử dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình đã phải chịu đồng thời hai áp lực trái ngược nhau giữa đạo và đời: một mặt từ sự kiểm soát chặt chẽ

của Hội Thánh, mặt khác từ sức ép của các đợt vận động của chính quyền cơ sở. Cái giá cho việc kế hoạch hoá gia đình đối với họ trở nên đắt hơn nhiều, nhất là ở khía cạnh tâm lí.

Bên cạnh đó, các giáo xứ cũng đã lập ra khá nhiều tổ chức, hội đoàn để thu hút giáo dân như hội kèn, hội trống, ca đoàn, hội thanh niên Công giáo, v.v... Những hội đoàn này đã thu hút được hầu hết các tín đồ ở mọi lứa tuổi, giới tính và cũng chiếm hầu hết thời gian rỗi trong tuần, trong năm của giáo dân. Chính vì vậy mà các tổ chức, đoàn thể xã hội ở Bùi Chu như Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ hoạt động rất chật vật. *Người Công giáo hầu như không tham gia vào các tổ chức đoàn thể chính quyền này.* Ngay Hội Phụ nữ, là tổ chức hoạt động tích cực nhất, thì việc tổ chức sinh hoạt cũng rất khó khăn. Hầu hết cán bộ hội, chi hội muốn tuyên truyền, vận động về chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình thì chỉ còn một cách là đến từng nhà của các hội viên.

Như vậy, giáo hội cơ sở của Công giáo, với nhiều cách thức khác nhau, đã tác động khá mạnh đến giáo dân, đến chính quyền và các tổ chức, đoàn thể xã hội địa phương và vì thế các hoạt động tuyên truyền, vận động về chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình trong giáo dân gặp không ít khó khăn.

*** Chức sắc Công giáo với việc truyền thông dân số và kế hoạch hoá gia đình**

Chức sắc Công giáo ở Xuân Ngọc cũng đã tham gia một cách tích cực vào kênh truyền thông về dân số và kế hoạch hoá gia đình. Song sự tuyên truyền của họ hầu như hướng theo quan điểm của Giáo

hội. Họ nói về vấn đề này với giáo dân ở nhiều nơi, nhưng nhiều nhất là tại các buổi giảng đạo ở nhà thờ và trong những buổi lễ xưng tội. Có tới 61,9% số ý kiến của giáo dân cho là những thông tin về dân số, kế hoạch hoá gia đình mà họ nhận được từ các chức sắc thông qua các bài giảng tại nhà thờ. Điều này chắc chắn sẽ làm tăng hơn hiệu quả của việc truyền thông, vì nhà thờ là nơi linh thiêng, lời của linh mục ở đây là lời của Chúa, người giáo dân chỉ biết vâng phục.

Về mức độ truyền thông của chức sắc Công giáo ở nhà thờ cũng được tăng lên hay giảm đi phụ thuộc vào thời điểm và thời gian mà địa phương thực hiện việc tuyên truyền, vận động kế hoạch hoá gia đình. Theo ý kiến của một cán bộ ở Xuân Ngọc: “Cứ khi nào xã, huyện phát động chiến dịch thực hiện kế hoạch hoá gia đình (đặt vòng và triệt sản), thì ở nhà thờ, các linh mục trong các bài giảng lại nói rất nhiều về luật lệ, về sự vi phạm, về sự trừng phạt, về những điều cấm kị, về ý thức, về lương tâm và về việc phải tuân theo luật tự nhiên, v.v...” (Nam, 55 tuổi).

Theo ý kiến của một cán bộ địa phương: “Các chức sắc Công giáo nếu không ủng hộ thì hãy làm ngơ, đừng nói nhiều về lương tâm, luân lí, luật tự nhiên, đừng nói nhiều về việc mắc tội lỗi, biện pháp này, biện pháp khác để làm khổ con chiên của mình” (Nam, 55 tuổi).

Có thể thấy, ở Xuân Ngọc, một số chức sắc Công giáo đã biết sử dụng tốt kênh truyền thông qua các bài giảng tại nhà thờ để tuyên truyền và phổ biến quan điểm của Giáo hội về vấn đề dân số, nhất là quan điểm về các biện pháp tránh thai. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi tránh thai của nhiều giáo dân.

Tình trạng giáo dân tháo vòng chui, kiên quyết từ chối sử dụng các biện pháp “nhân tạo” cũng thường xảy ra sau khi giáo dân nghe các bài giảng tại nhà thờ, hay sau các buổi xưng tội.

*** Tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo tham gia kiểm soát việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình**

Tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo nói chung và các chức sắc ở Xuân Ngọc nói riêng đã tham gia kiểm soát trực tiếp việc sử dụng các biện pháp tránh thai của giáo dân. Thông qua Hội Thánh, thông qua các buổi lễ xưng tội của giáo dân, thông qua cộng đồng, các linh mục đã biết và nắm được một cách khá tường tận và cụ thể tình hình tránh thai của giáo dân như người nào, gia đình nào, ở đâu hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai “tự nhiên” hay “nhân tạo”. Kết quả nghiên cứu mẫu ở Xuân Ngọc cho thấy, có tới 73,8% số người tham gia trả lời câu hỏi khẳng định linh mục biết rõ hiện họ đang sử dụng biện pháp tránh thai nào. Cụ thể, có tới gần 80% số người đang sử dụng biện pháp vòng tránh thai và hơn 74% số người đang sử dụng biện pháp tính vòng kinh nguyệt nói rằng, linh mục xứ biết rõ hiện họ đang sử dụng biện pháp tránh thai nào⁽¹⁸⁾. Như vậy, vai trò kiểm soát của tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo đối với việc sử dụng các biện pháp tránh thai của giáo dân ở Xuân Ngọc được thể hiện khá rõ và cũng khá chặt chẽ. Điều đó tất yếu ảnh hưởng tới hành vi lựa chọn của giáo dân, khi quyết định sử dụng biện pháp tránh thai nào đó.

Mặt khác, ngay tại các lớp học về giáo lý hôn nhân dành cho thanh niên chưa

kết hôn, ngoài việc nói về hôn nhân, về đời sống vợ chồng, các chức sắc cũng đã nói khá nhiều về các biện pháp tránh thai. Kết quả khảo sát ở Xuân Ngọc cho thấy, có tới 93,5% cho rằng tại các lớp học này các linh mục nói nhiều về các biện pháp tránh thai bị cấm như đặt vòng, triệt sản, bao cao su, nhất là nạo phá thai. Khi tham khảo ý kiến của các linh mục thì được biết, tại các lớp học này, họ thường nói về các biện pháp tránh thai bị cấm và cả các biện pháp tránh thai tự nhiên, mà mọi giáo dân phải tuân theo. Họ cũng nói nhiều về đức hi sinh và sự chịu đựng.

Rõ ràng, với sự chặt chẽ trong tổ chức của mình, thông qua các hoạt động thực tế, chức sắc Công giáo đã tác động không nhỏ đến hành vi sinh sản, đến việc lựa chọn các biện pháp tránh thai của giáo dân ở mọi lứa tuổi, ở mọi giai đoạn của đời sống gia đình.

Như vậy, ở xã Xuân Ngọc, giáo lý, giáo luật và tổ chức Công giáo, theo những cách thức khác nhau, đã thể hiện vai trò của mình khi can thiệp trực tiếp vào nhận thức của giáo dân về số con, vào việc lựa chọn và chấp nhận sử dụng các biện pháp tránh thai và vào hàng loạt các yếu tố khác của hành vi sinh sản, qua đó tác động vào mức sinh của cộng đồng. Đây cũng là những nguyên nhân chủ yếu lý giải tại sao mức sinh của cộng đồng giáo dân ở Xuân Ngọc lại cao hơn, tốc độ suy giảm mức sinh lại chậm hơn so với những địa phương có tỉ lệ giáo dân ít hơn, hoặc không có đồng bào Công giáo sinh sống./.

18. Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình. Tài liệu đã dẫn.